

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ GIA NGHĨA
TỈNH ĐẮK NÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2024/DS-ST

Ngày: 05/9/2024

V/v “tranh chấp hợp đồng xây dựng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ GIA NGHĨA, TỈNH ĐẮK NÔNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và bà Nguyễn Thanh Thu Hằng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Yến Như - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2023/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng xây dựng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-DS ngày 12/7/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Văn phòng T

Trụ sở: Đường L, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện hợp pháp: Ông Châu Ngọc L – Chức vụ: Chánh Văn phòng Tỉnh ủy – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1.

Trụ sở: Số H đường B, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân V – Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2023, bản tự khai, đại diện hợp pháp của nguyên đơn Văn phòng tỉnh ủy là ông Châu Ngọc L trình bày:

Ngày 30/12/2010, các bên gồm: đại diện hợp pháp của Văn phòng T là ông Trần Xuân H – Chức vụ Chánh văn phòng, đại diện hợp pháp của Công ty TNHH

MTV T1 là ông Nguyễn Xuân V và ông Nguyễn Thành L1 – Chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đ đã ký hợp đồng xây dựng số 05LD/2010/HĐ-XD về việc thi công xây dựng gói thầu số 02: Xây dựng nhà kho lưu trữ, thi công hệ thống PCCC, hệ thống điều hòa, chống sét + thiết bị kèm theo, thang tải tài liệu, phòng chống mối của kho lưu trữ tài liệu tỉnh Đắk Nông.

Ngày 16/12/2012, các bên tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2012, về việc bổ sung và sửa đổi hợp đồng kinh tế số 05/LD/2010/HĐ-XL ngày 30/12/2010 để thỏa thuận về thay đổi tài khoản, hình thức Hợp đồng, giá Hợp đồng và tên người đại diện Chủ đầu tư của Hợp đồng số 01/LD/2011/HĐ-TVTK ngày 29/8/2011 với nội dung như sau: Điều chỉnh tài khoản Chủ đầu tư: Tài khoản theo Hợp đồng: 311.03.00.00088; Tài khoản thay đổi: 8211.2.7059254; 2. Thay đổi giá Hợp đồng: Giá hợp đồng cũ là: 14.942.031.000 đồng, giá thay đổi như sau: 17.928.230.000 đồng, tổng giá trị tăng thêm của Hợp đồng là 2.986.199.000 đồng, trong đó giá trị điều chỉnh nhân công, ca máy: 1.537.319.000 đồng, giá trị khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng: 1.448.880.000 đồng. Và thay đổi về tên chủ đầu tư có chữ ký của các bên.

Ngày 16/12/2013, các bên tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2013, về việc bổ sung và sửa đổi hợp đồng kinh tế số 05/LD/2010/HĐ-XL ngày 30/12/2010 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2012, để thỏa thuận giá.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, kết quả thực hiện không đúng như cam kết hợp đồng. Khối lượng thi công mới đạt khoảng 70% trong khi chủ đầu tư đã tạm ứng đến 98,8% giá trị hợp đồng, giữ lại bảo hành 150.249.000đ và số tiền này cũng đã sử dụng hết vào việc chống thấm. Đến tháng 2/2017 công ty T1 xin được tiếp tục thi công và cam kết đến 31/3/2017 sẽ hoàn thành nhưng vẫn không thực hiện đúng cam kết.

Tại Thông báo số 289-TB/UBKTTW, ngày 20/9/2017 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về việc Thông báo kết luận kiểm tra tài chính Đảng đối với Ban T2. Trong đó có nội dung thu hồi nộp trả ngân sách đối với gói thầu số 02: Kho lưu trữ tài liệu tỉnh Đắk Nông, thuộc Dự án Trụ sở làm việc Tỉnh ủy và Kho lưu trữ tài liệu tỉnh Đắk Nông số tiền là 966.449.000 đồng của nhà thầu thi công là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1.

- Gồm các nội dung sau:

- + Khối lượng khuôn cửa đi, cửa sổ tính trùng: 336.192 .000đồng;
- + Diện tích phát sinh trần thạch cao không trát: 152.203.000 đồng;
- + Diện tích PS trần thạch cao không sơn, bả matic: 151.860.000 đồng;
- + Chênh lệch đơn giá ngoài hợp đồng ban đầu : 326.194.000đồng.

Tổng cộng: 966.449.000 đồng

- Đã thu hồi lần 1: 200.000.000 đồng.

- Còn phải thu hồi: 766.449.000 đồng.

(Bảy trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng)

Do đó, Văn phòng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải trả lại số tiền 766.449.000 đồng (Bảy trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/3/2024, Văn phòng Tỉnh ủy yêu cầu khởi kiện bổ sung thêm số tiền là 154.194.000đ, tổng số tiền mà Văn phòng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải trả lại tổng số tiền là 920.643.000 đồng (*Chín trăm hai mươi triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn đồng*).

Đối với bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 (**C**) **đại diện hợp pháp là ông** Nguyễn Xuân V: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với nơi có trụ sở và cả nơi đăng ký cư trú của ông V theo hợp đồng đã ký kết. Tuy nhiên, ông Nguyễn Xuân V không đến Toà án để tham gia tố tụng và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên hòa giải, cũng như phiên tòa. Do vậy, ông Nguyễn Xuân V không có lời khai về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần Đ là ông Nguyễn Thành L2 trình bày:

Công ty cổ phần Đ đã đổi tên thành Công ty cổ phần Đ (C1). C1 có ký hợp đồng liên doanh với C (HĐ trên đã được C1 ký trước và gửi đến C. Tuy nhiên, không nhận được hồi đáp từ C). Do đó, C1 chưa nhận được bất kỳ hợp đồng nào của C. C1 cũng không ký hợp đồng xây dựng nào với Văn phòng tỉnh ủy. Đối với vụ kiện của Văn phòng T thì C1 không có liên quan. Do đó, C1 không có trách nhiệm và nghĩa vụ với Văn phòng tỉnh ủy. Việc Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa triệu tập đến làm việc C1 từ chối tham gia và đề nghị xét xử vắng mặt. Không có tài liệu chứng cứ gì liên quan đến hợp đồng xây dựng cung cấp cho Tòa án.

Chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án do Văn phòng tỉnh ủy cung cấp trong đó có Biên bản làm việc có chữ ký của ông Nguyễn Xuân V là đại diện hợp pháp của C.

Tại phiên tòa C vắng mặt, Đại diện hợp pháp của Văn phòng tỉnh ủy có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Toà án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 26, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Toà án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật tại các điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Bị đơn không đến Tòa án để cung cấp lời khai, không tham gia hòa giải, không tham gia phiên tòa. Như vậy, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 401, 422, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 75, 76, 80, 81, 107, 108, 110 Luật xây dựng 2003; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Văn phòng tỉnh ủy, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 do đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thế V1 phải trả cho Văn phòng tỉnh ủy số tiền là 920.643.000 đồng (*Chín trăm hai mươi triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn đồng*).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trình bày của đương sự tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết: Văn phòng tỉnh ủy có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc C trả số tiền 920.643.000 đồng theo kết quả làm việc khi đã thực hiện xong công trình xây dựng. Đơn khởi kiện của Văn phòng tỉnh ủy được làm theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Tòa án thụ lý, xem xét; C có trụ sở hoạt động tại thành phố G, nên Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc bị đơn vắng mặt: Quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện hợp pháp của Văn phòng tỉnh ủy có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[1.3] Về việc xác định tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: C1, Quá trình giải quyết C1 xác định công ty không ký hợp đồng xây dựng với Văn phòng tỉnh ủy, Văn phòng tỉnh ủy cũng khẳng định quá trình ký kết hợp đồng và thi công công trình xây dựng không có C1, do đó, căn cứ vào khoản 4 Điều 68 của Bộ luật tố tụng Dân sự xác định C1 không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Về tư cách chủ thể của C, quá trình thu thập chứng cứ xác định C đã có Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 25/6/2019 theo Số 22468. Sau khi có quyết định thu hồi Cty không làm tiếp thủ tục giải thể, phá sản do đó Tòa án xác định C vẫn là bị đơn trong vụ án và đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Xuân V.

[2]. Về nội dung vụ án, Văn phòng tỉnh ủy yêu cầu C phải trả lại tiền xây dựng đã ứng chưa thực hiện là 920.643.000 đồng:

[2.1] Về nội dung và hình thức của hợp đồng xây dựng:

Ngày 30/12/2010, Văn phòng T và C đã ký hợp đồng xây dựng số 05LD/2010/HĐ-XD về việc thi công xây dựng gói thầu số 02: Xây dựng nhà kho lưu trữ, thi công hệ thống PCCC, hệ thống điều hòa, chống sét + thiết bị kèm theo, thang tải tài liệu, phòng chống mối của kho lưu trữ tài liệu tỉnh Đắk Nông. Gói thầu: Cung cấp lắp đặt thiết bị (bàn ghế, hệ thống camera, tổng đài, mạng máy tính) thuộc công

trình Trụ sở làm việc Tỉnh ủy và Kho lưu trữ tài liệu tỉnh Đắk Nông. Địa điểm xây dựng thành phố G, tỉnh Đắk Nông. Ngày khởi công 02/01/2011 và ngày hoàn thành 11/6/2018.

Ngày 16/12/2012, các bên tiếp tục ký phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2012, về việc bổ sung và sửa đổi hợp đồng kinh tế số 05/LĐ/2010/HĐ-XL ngày 30/12/2010 để thỏa thuận về thay đổi tài khoản, hình thức Hợp đồng, giá Hợp đồng và tên người đại diện Chủ đầu tư.

Ngày 16/12/2013, các bên tiếp tục ký 02 phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐ/2013, về việc bổ sung và sửa đổi hợp đồng kinh tế số 05/LĐ/2010/HĐ-XL ngày 30/12/2010 để thỏa thuận giá và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2013 để điều chỉnh tài khoản chủ đầu tư, thay đổi giá hợp đồng và thay đổi tên người đại diện Chủ đầu tư. Hợp đồng và các phụ lục kèm theo đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo Điều 107, Điều 108, Điều 110 Luật xây dựng 2003 và các điều 401, 402, 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (*tại thời điểm ký hợp đồng*). Tuy nhiên, hợp đồng đã hoàn thành vào năm 2018 do đó, căn cứ Điều 688 của Bộ luật Dân sự cần áp dụng các điều 398, 401, 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[2.2] *Xét yêu cầu C phải trả lại tiền xây dựng đã ứng chưa thực hiện là 920.643.000 đồng:*

Tổng chi phí đầu tư mà các bên ký kết là 19.869.267.389đ. Tổng chi phí thuộc ngân sách nhà nước đã chuyển cho C là 19.869.267.389đ. Sau khi hoàn thành công trình Văn phòng tỉnh ủy đã nhiều lần yêu cầu C tiến hành thủ tục hoàn công. Tuy nhiên, C không thực hiện. Do đó, ngày 31/7/2017 đoàn kiểm tra trung ương theo quyết định số 48-QĐ/UBKTTW ngày 03/7/2017 của Ủy ban kiểm tra trung ương lập biên bản làm việc với đại diện hợp pháp của C.

Xác định các nội dung:

- + Khối lượng khuôn cửa đi, cửa sổ tính trùng: 336.192.000đồng;
- + Diện tích phát sinh trần thạch cao không trát: 152.203.000 đồng;
- + Diện tích PS trần thạch cao không sơn, bả matic: 151.860.000 đồng;
- + Chênh lệch đơn giá ngoài hợp đồng ban đầu : 326.194.000đồng.

Tổng cộng: 966.449.000 đồng

- Đã thu hồi lần 1: 200.000.000 đồng.

- Còn phải thu hồi: 766.449.000 đồng.

(Bảy trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng)

Đối với yêu cầu này Văn phòng tỉnh ủy và C đều xác nhận nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự là “*những tình tiết, sự kiện rõ ràng mà mọi người đều biết và được Tòa án thừa nhận*” nên đủ căn cứ để xác định C còn phải trả lại cho Văn phòng tỉnh ủy số tiền là 766.449.000 đồng (*Bảy trăm sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín ngàn đồng*). Ngoài ra, C cũng đã chuyển trả cho Văn phòng tỉnh ủy số tiền 200.000.000đ cũng là căn cứ để xác định C thống nhất chấp nhận các nội dung trên.

Xét đơn khởi kiện bổ sung ngày 13/3/2024, Văn phòng Tỉnh ủy khởi kiện bổ sung thêm số tiền là 154.194.000đ, nâng tổng số tiền mà Văn phòng T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải trả lại tổng số tiền là **920.643.000 đồng** (*Chín trăm hai mươi triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn đồng*).

Căn cứ Văn phòng tỉnh ủy đưa ra là Quyết định số 23/QĐ-STC ngày 30/01/2024 của Sở tài chính tỉnh Đ thì ngoài số tiền theo Thông báo số 289-TB/UBKTTW thì còn có một số các hạn mục C không thực hiện có giá trị là 154.193.818 đồng, theo đó nâng giá trị phải thu hồi: 1.120.643.000 đồng; Bao gồm

- + Thu hồi theo Thông báo số 289-TB/UBKTTW: 966.449.182 đồng
- + Thu hồi các hạng mục không thực hiện 154.193.818 đồng
- Đã thu hồi lần 1 : 200.000.000 đồng;
- Tổng giá trị còn phải thu là: 920.643.000 đồng.

Xét thấy, C không cung cấp lời khai cũng như chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của Văn phòng tỉnh ủy. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Văn phòng T.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 401, 422, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 75, 76, 80, 81, 107, 108, 110 Luật xây dựng 2003; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Văn phòng T, buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 do đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Xuân V phải trả cho Văn phòng T số tiền là **920.643.000 đồng** (*Chín trăm hai mươi triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên T1 phải chịu 39.619.000 đồng (ba mươi chín triệu sáu trăm mười chín nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. *Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND TP.Gia Nghĩa;
- Chi cục THADS TP.Gia Nghĩa;
- Các đương sự;
- Người đại diện;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Yến